

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 398/2020/ HSST
Ngày 15 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Q M

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Khắc M;

2. Bà Nguyễn Thị Bích P.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy T - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 367/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1971

HKTT: 97/19 P, phường 3, Quận 6, thành phố H

Chỗ ở khi bị bắt: Tổ 8, phường C, thành phố T, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn Tr, đã chết; con bà Nguyễn Thị T, đã chết; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Chồng: Dương Văn Q, đã ly hôn; có 01 con sinh năm 1995. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1970

HKTT: Tổ 8, phường C, thành phố T, tỉnh T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Tiến Tr, đã chết; con bà Hoàng Thị M, sinh năm 1944; gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Võ Thị Mỹ L, đã ly hôn; có 01 con sinh năm 2003. Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-XPVPHC ngày 20/7/1998, Công an huyện Đ, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 100.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”. Chấp hành xong ngày 20/7/1998.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đào Thị H, sinh năm 1960, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 8, phường C, TP T, tỉnh T

***Người chứng kiến:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961, vắng mặt.

HKTT: Tổ 8, phường C, TP T, tỉnh T

2. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969, vắng mặt

HKTT: Tổ 8, phường C, thành phố T, tỉnh T

3. Ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1962, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, phường C, thành phố T, tỉnh T

4. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1960, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 7, phường C, thành phố T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 45 phút ngày 19/5/2020, tổ công tác của Công an phường C, thành phố T làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực tổ 08 của phường phát hiện 01 người nữ giới có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, người phụ nữ khai nhận tên là Nguyễn Thị Ngọc T. Qua kiểm tra, tổ công tác phát hiện tại ngăn khóa bên ngoài chiếc ví ở trong túi áo T đang mặc, có 02 cục chất bột màu trắng và nhiều cục nhỏ li ti (theo T khai là Heroine). Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ 01 ví giả da của T.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng: Số chất bột màu trắng thu giữ của T có khối lượng 0,112 gam, niêm phong ký hiệu T gửi giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 3019/C09-TT2 ngày 27/5/2020 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Mẫu chất bột màu trắng ký hiệu T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 701/KL-KTHS ngày 27/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: Cục chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu T gửi giám định có khối lượng 0,112 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận: T có quan hệ tình cảm với Nguyễn Quang Tr (sinh năm 1970, Trú tại: tổ 8, phường C, thành phố T), cùng chung sống như vợ chồng từ năm 2012, chưa đăng ký kết hôn. Hiện cả hai đang sống tại tổ 8, phường C, thành phố T. Khoảng 9 giờ ngày 19/5/2020, Tr đưa cho T số tiền 200.000 đồng để T đi mua ma túy cho Tr sử dụng, T đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Tiến đi bộ từ nhà Trung đến nhà Đào Thị H (sinh năm 1960, trú tại: tổ 8, phường C, thành phố T) cách nhà Tr khoảng 60m, mua 200.000 đồng tiền ma túy Heroine của H. Mua xong, T cho số ma túy trên vào ngăn phía ngoài chiếc ví da của T rồi để vào trong túi áo trước bụng T đang mặc và đi bộ về nhà Tr thì bị tổ công tác của Công an phường C, thành phố T bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 20/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Quang Tr về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hồi 09 giờ 20 phút ngày 23/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám xét người, chỗ ở... đối với Đào Thị H tại tổ 7, phường C, thành phố T, kết quả: thu giữ tại mặt sập gỗ đặt trong phòng khách 02 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 7 x 17 cm và 01 mảnh giấy bạc màu trắng hình chữ nhật kích thước 4 x 7 cm.

Quá trình điều tra Đào Thị H không thừa nhận đã bán ma túy cho Nguyễn Thị Ngọc T. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Đào Thị H, ngày 07/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 0024030, mức xử phạt 1.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu 3019/C09 (TT2) bên trong chứa ma túy; 01 chiếc túi ví có 02 ngăn khóa, kích thước 7 x 10 cm, bằng da, màu tím, đã qua sử dụng; 02 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 7 x 17 cm; 01 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 4 x 7 cm. Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 380/CT-VKSTPTN ngày 12/8/2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Quang Tr về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T và bị cáo Nguyễn Quang Tr khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và như bản cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật mà bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Quang Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Thị Ngọc T từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Quang Tr từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Xử lý theo quy định tại Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu 3019/C09 (TT2) bên trong chứa ma túy; 01 chiếc túi ví có 02 ngăn khóa, kích thước 7 x 10 cm, bằng da, màu tím, đã qua sử dụng; 02 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 7 x 17 cm; 01 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 4 x 7 cm.

- Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, lời khai của người chứng kiến cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Quang Tr và Nguyễn Thị Ngọc T cùng chung sống như vợ chồng tại tổ 8, phường C, thành phố T. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 19/5/2020, Nguyễn Quang Tr đã đưa cho Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 200.000 đồng

để T đi mua Heroine cho Tr sử dụng. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, tại tổ 08, phường C, thành phố T, Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi tàng trữ 0,112 gam Heroine mục đích mua cho Nguyễn Quang Tr sử dụng từ số tiền của Trung đưa thì bị tổ công tác của Công an phường C, thành phố T phát hiện bắt quả tang, thu giữ niêm phong toàn bộ vật chứng.

Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Quang Tr về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, có vai trò ngang nhau.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, ma túy còn là hiểm họa cho xã hội, phát sinh các tệ nạn xã hội, làm khánh kiệt về kinh tế, suy kiệt giống nòi, do đó Đảng và Nhà nước ta đã kiên quyết bài trừ tệ nạn này ra khỏi xã hội, các bị cáo có đầy đủ nhận thức về tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội. Hành vi của các bị cáo phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và ngăn ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Về hình phạt bổ sung, qua xác minh tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản có giá trị, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Về vật chứng vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu 3019/C09 (TT2) bên trong chứa ma túy; 01 chiếc túi ví có 02 ngăn khóa, kích thước 7 x 10 cm, bằng da, màu tím, đã qua sử dụng; 02 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 7 x 17 cm; 01 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 4 x 7 cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về các vấn đề khác:

Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Mức án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Tiến khai mua của Đào Thị H tại khu vực tổ 8, phường C, thành phố T. Quá trình điều tra, H không thừa nhận việc bán ma túy cho Tiến, do đó quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có cơ sở làm rõ để xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS; Điều 329 BLTTHS:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Quang Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2020.

Xử phạt Nguyễn Quang Tr 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 249 BLHS đối với các bị cáo.

- Quyết định tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[2]. Vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong số 3019/C09 (TT2). Bì niêm phong chứa chất ma túy - Mẫu hoàn sau giám định. Mặt sau bì niêm phong có chữ ký của Hoàng Ngọc Mai, Ma Triệu Vũ cùng 06 dấu tròn của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an; 01 chiếc túi ví có 02 ngăn khóa, kích thước 7 x 10 cm, bằng da, màu tím, cũ đã qua sử dụng; 02 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 7 x 17 cm; 01 tờ giấy bạc màu trắng, kích thước 4 x 7 cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 415 ngày 06/8/2020 giữa Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

[3]. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

[4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- THADS thành phố T;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Q M